

KẾ HOẠCH
Thực hiện cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp năm 2025

Căn cứ Quyết định số 5959/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá thực hiện cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp năm 2024. Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy xây dựng Kế hoạch thực hiện cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp năm 2025 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

Điểm Tiêu chí cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp đạt 86,8/100 điểm. Xếp loại: tốt

II. Điểm tiêu chí

Stt	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm dự kiến năm 2025	Phụ trách chính	Phối hợp thực hiện
PHẦN A. XANH (2)			10	9		
1	A1	Cây xanh	5	4	HCQT	“”
2	A2	Năng lượng xanh	5	5	HCQT	
PHẦN B. SẠCH (24)			80	68,5		
B1. NƯỚC SẠCH (2)			10	10		
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	5	HCQT	“”
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	5	HCQT	
B2. NHÀ VỆ SINH (8)			20	18		
5	B2.1	Số lượng NVS tại KKB	2	2	HCQT	KKB
6	B2.2	Số lượng NVS tại khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2	2	HCQT	Tất cả phòng chức năng + Lâm sàng (LS) + Cận lâm sàng + Công ty vệ sinh (CTVS)
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	4	4	HCQT	
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2	2	HCQT	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2	2	HCQT	
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước	2	1,5	HCQT	
11	B2.7	Các vật dụng trong nhà vệ sinh	4	3	HCQT	
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra, giám sát NVS	2	1,5	KSNK	

B3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI (10)			40	31,5		
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5	4	KSNK	CTVS + LS + CLS
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:	2	1,5	KSNK	+ HCQT
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định	2	2	KSNK	HCQT
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4	3	HCQT	KSNK
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định	4	3	HCQT	
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2	1,5	KSNK	LS + HCQT
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7	5	HCQT	KSNK
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	3	2,5	KSNK	“”
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	5	5	KSNK	TCCB + HCQT
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	1	1	KSNK	TCCB + LS + CLS + CTVS
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5	3	KSNK	HCQT + VTTBYT + Dược + KHTH + PDD + LS
B4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (3)			10	9		
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3	2,5	HCQT	CTVS + LS + CLS
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2	1,5	HCQT	
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5	5	HCQT	
PHẦN C. ĐẸP (6)			10	9,3		
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1	0,8	QLCL	LS + CLS
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2	1,5	HCQT	“”
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2	2	QLCL	LS + CLS
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2	1,5	PDD	LS
31	C5	Khu vực gửi xe	2	2	HCQT	Nhà xe
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1	1	TCCB	LS + CLS

Tổng Điểm	100	86,8		
Xếp loại: Tốt (khá)				

III. Tiêu chí cần có kế hoạch/quy định/danh mục/ báo cáo

Stt	Tiêu chí	Nội dung	Phụ trách
1	A2	Quy định tiết kiệm điện	HCQT
2	B2.1	Tổng số nhà vệ sinh tại KKB	KKB
3	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	HCQT
4	B3.4	Có hợp đồng vận chuyển còn thời hạn	HCQT
5	B3.4	Có sổ giao nhận chất thải y tế	HCQT
6	B3.4	Có chứng từ chất thải nguy hại (CTNH)	HCQT
7	B3.5	Có bảng kiểm giám sát vận hành hệ thống/thiết bị xử lý CTYT theo đúng đúng quy định	HCQT
8	B3.6	Có ban hành danh mục CTYT thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế	KSNK
9	B3.6	Có sổ bàn giao chất thải sau khi đã đạt QCVN để phục vụ tái chế	HCQT
10	B3.7	Có sổ nhật ký vận hành và được ghi chép đầy đủ về quản lý nước thải y tế	HCQT
11	B2.8	Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát	KSNK
12	B2.8	Nhật ký dọn vệ sinh tối thiểu 2 lần/ngày và khi cần	KSNK
13	B3.8	Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường	KSNK

IV. Tổ chức thực hiện

4.1 Phòng QLCL-CTXH

- Giám sát, chấm điểm, cung cấp đủ bằng chứng 2 tiêu chí C1, C3.
- Tổng hợp bảng điểm, thống kê báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2025.
- Báo cáo về Sở Y tế khi có yêu cầu.

4.2 Phòng HCQT

Phụ trách giám sát, cung cấp đủ bằng chứng, chấm điểm 19 tiêu chí bao gồm A1, A2, B1.1, B1.2, B2.1, B2.2, B2.3, B2.4, B2.5, B2.6, B2.7, B3.4, B3.5, B3.7, B4.1, B4.2, B4.3, C2, C5.

4.3 Phòng ĐD

Phụ trách giám sát, cung cấp đủ bằng chứng, chấm điểm tiêu chí C4.

4.4 Phòng TCCB

Phụ trách giám sát, cung cấp đủ bằng chứng, chấm điểm 01 tiêu chí C6.

4.5 Khoa KSNK

Phụ trách giám sát, cung cấp đủ bằng chứng, chấm điểm 09 tiêu chí do khoa phụ trách bao gồm B2.8, B3.1, B3.2, B3.3, B3.5, B3.8, B3.9, B3.10, B3.11.

4.6 Các khoa/phòng

Có trách nhiệm phối hợp với 5 bộ phận chấm điểm chính, cung cấp bằng chứng cũng như đề xuất các giải pháp, giải quyết khó khăn trong khi thực hiện tiêu chí.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tiêu chí cơ sở y tế xanh- sạch- đẹp năm 2025. Đề nghị khoa/phòng nghiêm túc phối hợp thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo ngay đến Ban Giám đốc bệnh viện (thông qua Phòng QLCL-CTXH) để có hướng giải quyết kịp thời.

(Đính kèm:

- Phụ lục bảng phối hợp thực hiện 32 tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp năm 2025.

- Quyết định số 5959/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp).

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (biết);
- Khoa, phòng (Thực hiện);
- Lưu: VT, QLCL.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thị Kim Tuyết

Phụ lục

Bảng Phối hợp thực hiện 32 tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp năm 2025

Stt	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phối hợp thực hiện	Phụ trách chấm điểm
	A	Cây xanh công viên vườn hoa (2 tiêu chí)		HCQT
1	A1	Cây xanh	HCQT	
2	A2	Năng lượng xanh	HCQT	
	B	Sạch (4 nhóm, 24 tiêu chí)		
	B1	Nước sạch		
3	B1.1	Nước sinh hoạt	HCQT	
4	B1.2	Nước uống	HCQT	
	B2	Nhà vệ sinh (cơ sở vật chất: Số lượng nhà vệ sinh)		HCQT
5	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh KKB	KKB + HCQT	
6	B2.2	Số lượng nhà vệ sinh phòng điều trị, xét nghiệm	Lâm sàng (LS) + HCQT	
7	B2.3	Điều kiện chung nhà vệ sinh	LS + HCQT	
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	LS + HCQT	
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	LS + HCQT	
10	B2.6	Trang thiết bị: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước	LS + HCQT	
11	B2.7	Vật dụng trong nhà vệ sinh	LS + HCQT	
12	B2.8	Kiểm tra giám sát nhà vệ sinh	Công ty vệ sinh + LS + Phòng chức năng + KSNK	KSNK
	B3	Quản lý chất thải y tế (phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử trí CTRYT đúng quy định)		
13	B3.1	Phân loại chất thải y tế	Công ty vệ sinh + Lâm sàng + HCQT + KSNK	KSNK
14	B3.2	Thu gom chất thải y tế	Công ty vệ sinh + Lâm sàng + KSNK	
15	B3.3	Lưu giữ chất thải y tế	HCQT + KSNK	
16	B3.4	Xử lý tập trung	HCQT + KSNK	HCQT
16	B3.4	Xử lý cụm	HCQT + KSNK	
17	B3.5	Xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế	HCQT + KSNK	
18	B3.6	Quản lý chất thải tái chế	Lâm sàng + KSNK + HCQT	KSNK

Stt	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phối hợp thực hiện	Phụ trách chấm điểm
19	B3.7	Quản lý nước thải y tế	HCQT + KSNK	HCQT
20	B3.8	Kế hoạch phòng ngừa, UPSCMT do CTYT	Ban chỉ huy và đội phòng ngừa UPSCMT do CTYT + KSNK	KSNK
21	B3.9	Quan trắc MTYT	HCQT + KSNK	
22	B3.10	Trang bị bảo hộ lao động	Công ty vệ sinh + LS + HCQT + KSNK	
23	B3.11	Giảm phát sinh chất thải	HCQT + VTTBYT + Dược + KHTH + PDD + LS + KSNK	
	B4	Vệ sinh môi trường (Khu vực sân, vườn, khuôn viên)		
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	Công ty vệ sinh + HCQT	HCQT
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	Công ty vệ sinh + LS + KSNK + HCQT	
26	B4.3	Khoa/phòng/buồng bệnh	LS + HCQT	
	C	Đẹp (6 tiêu chí)		
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	LS + QLCL	QLCL
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hoà, thân thiện môi trường	HCQT	HCQT
29	C3	Khu vực sảnh chờ, phòng chờ	Lâm sàng + P.QLCL	QLCL
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	Lâm sàng + PDD	PDD
31	C5	Khu vực gửi xe	HCQT	HCQT
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	Khoa phòng + TCCB	TCCB